

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 1/13

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC LỌC TRẠM ĐẠI PHƯỚC (ĐẦU NGUỒN)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: **10h30, 11/09/2026**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2026 - 12/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, TP Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 2/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.6	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.7	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.10	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.11	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ / NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.12	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	9,4	-	250 hoặc 300

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 3/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.13	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	27,8	-	300
7.14	Hàm lượng florua (F^-) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.15	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	4,70	-	200
7.16	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) Nitrate (NO_3^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,0	-	11
7.17	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.18	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,5	-	250
7.19	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	56,2	-	1.000
7.21	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.22	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 4/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.23	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.24	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.25	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.26	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.27	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.28	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.29	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.30	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.31	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 5/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.32	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.33	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.34	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.35	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.35.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.35.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.36	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000
7.37	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.38	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.38.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 6/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.38.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.38.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.39	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.40	Hàm lượng epichlorhydrin Epichlorhydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.41	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6
7.42	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.43	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.44	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.45	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.46	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 7/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.47	Hàm lượngalachlor <i>Alachlor content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.48	Hàm lượngaldicarb <i>Aldicarb content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.49	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine <i>Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content</i>	-	US EPA 536	-	-	100
7.49.1	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49.2	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.49.4	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.50	Hàm lượng carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.51	Hàm lượng chlorpyrifos <i>Chlorpyrifos content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.52	Hàm lượng chlordane <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.53	Hàm lượng chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 8/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.54	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	-
7.55	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	-
7.55.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.55.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.55.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.56	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.57	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.58	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.59	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.60	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	-
7.61	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 10/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.72	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	-
7.73	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	8,1	-	-
7.74	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	-
7.75	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	29,5	-	-
7.76	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	-
7.77	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	-
7.78	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,6	-	-
7.79	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	-
7.80	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 11/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.81	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	10,2	-	-
7.82	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	25,7	-	-
7.83	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	-
7.84	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	-
7.85	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,0005	-
7.86	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 7062	KPH	0,003	-
7.87	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.88	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.89	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,001	-
7.90	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,003	-
7.91	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,01	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 12/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.92	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.93	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.94	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,01	-
7.95	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	< 0,10 (LOQ)	0,05	-
7.96	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,003	-
7.97	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.98	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,003	-
7.99	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH	0,0002	-

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 13/13

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 1/13

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC LỌC HỘ LÊ VĂN BA ĐƯỜNG LÝ THÁI TỔ - ÁP PHÚ HỮU - XÃ ĐẠI PHƯỚC (GIỮA NGUỒN)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h35, 11/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / *Unit/sample: 10 L*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2026 - 12/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, TP Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh




Phan Thanh Trung

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 2/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.6	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.7	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.10	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.11	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ / NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.12	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	9,4	-	250 hoặc 300

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited according to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 3/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.13	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	27,3	-	300
7.14	Hàm lượng florua (F^-) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.15	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	4,75	-	200
7.16	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) Nitrate (NO_3^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,0	-	11
7.17	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.18	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,7	-	250
7.19	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	54,5	-	1.000
7.21	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.22	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 4/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.23	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.24	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.25	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.26	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.27	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.28	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.29	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.30	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.31	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 5/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.32	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.33	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.34	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.35	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.35.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.35.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.36	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000
7.37	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.38	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.38.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 6/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.38.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.38.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.39	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.40	Hàm lượng epichlorhydrin Epichlorhydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.41	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6
7.42	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.43	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.44	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.45	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.46	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
 (MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 7/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.47	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.48	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.49	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.49.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.49.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.50	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.51	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.52	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.53	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 8/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.54	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	-
7.55	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	-
7.55.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.55.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.55.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.56	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.57	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.58	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.59	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.60	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	-
7.61	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 9/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.62	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.63	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.64	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	-
7.65	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	-
7.66	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.67	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	-
7.68	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.69	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	-
7.70	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	-
7.71	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	-

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 10/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.72	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	-
7.73	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	9,1	-	-
7.74	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	-
7.75	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	30,2	-	-
7.76	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,1	-	-
7.77	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	-
7.78	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,5	-	-
7.79	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	-
7.80	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 11/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.81	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	10,1	-	-
7.82	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	23,1	-	-
7.83	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	-
7.84	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	-
7.85	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,0005	-
7.86	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 7062	KPH	0,003	-
7.87	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.88	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.89	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,001	-
7.90	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,003	-
7.91	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,01	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 12/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.92	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.93	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.94	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,01	-
7.95	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.96	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,003	-
7.97	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.98	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,003	-
7.99	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH	0,0002	-

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

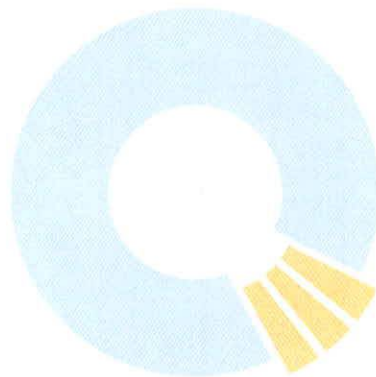
Trang/ Page: 13/13

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thử nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.*

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

✓



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 1/13

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC LỌC TRẠM CỨU HOẢ SỐ 2 - XÃ ĐẠI PHƯỚC (CUỐI NGUỒN)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h40, 11/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2026 - 12/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, TP Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh




Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 2/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.6	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.7	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.10	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.11	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ / NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.12	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	9,2	-	250 hoặc 300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 3/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.13	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	27,8	-	300
7.14	Hàm lượng florua (F^-) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.15	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	4,73	-	200
7.16	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) Nitrate (NO_3^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,0	-	11
7.17	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.18	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,8	-	250
7.19	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	55,5	-	1.000
7.21	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.22	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 4/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.23	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.24	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.25	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.26	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.27	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.28	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.29	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.30	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.31	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 5/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.32	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.33	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.34	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.35	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.35.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.35.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.36	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000
7.37	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.38	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.38.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 6/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.38.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.38.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.39	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.40	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.41	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6
7.42	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.43	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.44	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.45	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.46	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 7/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.47	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.48	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.49	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.49.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.49.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.50	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.51	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.52	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.53	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 8/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.54	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	-
7.55	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	-
7.55.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.55.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.55.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.56	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.57	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.58	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.59	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.60	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	-
7.61	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 9/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.62	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.63	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.64	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	-
7.65	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	-
7.66	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	-
7.67	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	-
7.68	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.69	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	-
7.70	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	-
7.71	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 10/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.72	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	-
7.73	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	8,1	-	-
7.74	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	-
7.75	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	27,1	-	-
7.76	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	-
7.77	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	-
7.78	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,5	-	-
7.79	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	-
7.80	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 11/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.81	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	< 10,0 (LOQ)	5	-
7.82	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	23,0	-	-
7.83	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	-
7.84	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	-
7.85	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,0005	-
7.86	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 7062	KPH	0,003	-
7.87	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.88	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.89	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,001	-
7.90	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,003	-
7.91	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,01	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 12/13

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.92	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.93	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.94	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,01	-
7.95	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.96	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,003	-
7.97	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	-
7.98	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,003	-
7.99	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH	0,0002	-

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C113036
(MTTN26015919.03)

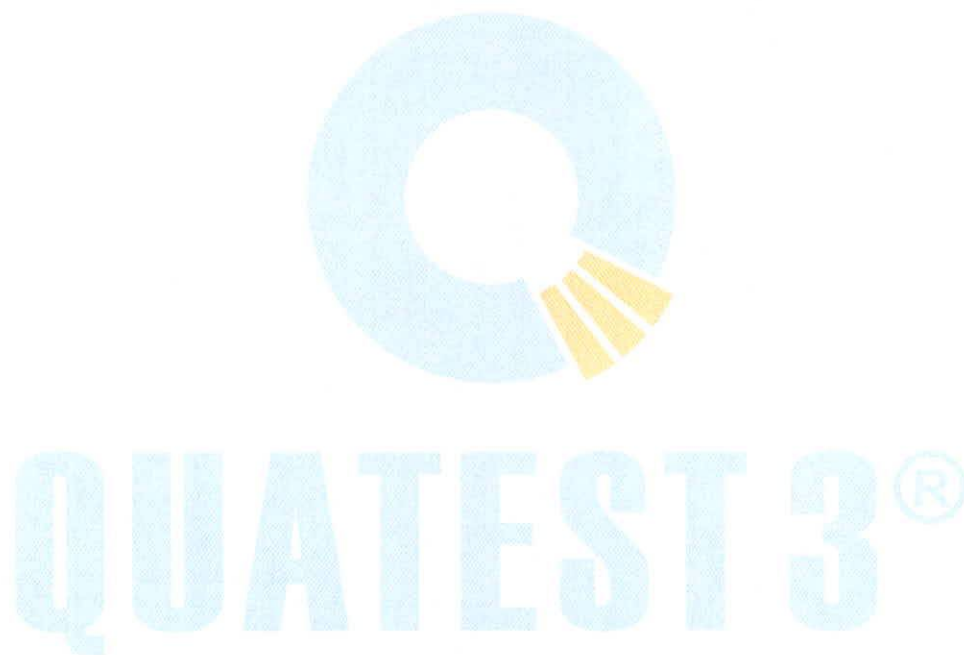
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2026

Trang/ Page: 13/13

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- (°): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/09/2026
Trang/ Page: 1/7

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC THÔ TRẠM ĐẠI PHƯỚC
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h45, 11/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2026 - 24/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, TP Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

24/09/2026

Trang/ Page: 2/7

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-	5,8 - 8,5
7.2	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) ⁽¹⁾ Nitrate (NO_3^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,8	-	15
7.3	Hàm lượng amoni (NH_4^+ tính theo N) ⁽¹⁾ Amonium nitrogen content	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH	0,05	1
7.4	Chỉ số permanganate ⁽¹⁾ Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	4
7.5	Tổng hàm lượng cặn hòa tan (TDS) Total dissolved solids	mg/L	SMEWW 2540C:2023	54,0	-	1.500
7.6	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) ⁽¹⁾ Total hardness (as CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	27,8	-	500
7.7	Hàm lượng asen (As) ⁽¹⁾ Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,05
7.8	Hàm lượng clorua (Cl^-) ⁽¹⁾ Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	9,1	-	250
7.9	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) ⁽¹⁾ Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1
7.10	Hàm lượng florua (F^-) ⁽¹⁾ Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,2	1

2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/09/2026

Trang/ Page: 3/7

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.11	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) ⁽¹⁾ Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,5	-	400
7.12	Hàm lượng cadmi (Cd) ⁽¹⁾ Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,001	0,005
7.13	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) ⁽¹⁾ Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,002	0,01
7.14	Hàm lượng thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾ Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.15	Hàm lượng chì (Pb) ⁽¹⁾ Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.16	Hàm lượng tổng crom (Cr) ⁽¹⁾ Total chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005	0,05
7.17	Hàm lượng đồng (Cu) ⁽¹⁾ Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.18	Hàm lượng kẽm (Zn) ⁽¹⁾ Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02	3
7.19	Hàm lượng niken (Ni) ⁽¹⁾ Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005	0,02
7.20	Hàm lượng mangan (Mn) ⁽¹⁾ Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,5
7.21	Hàm lượng sắt (Fe) ⁽¹⁾ Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,05 (LOQ)	0,02	5
7.22	Hàm lượng selen (Se) ⁽¹⁾ Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

24/09/2026

Trang/ Page: 4/7

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.23	Hàm lượng aldrin ⁽¹⁾ Aldrin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	0,1
7.24	Hàm lượng γ-HCH (lindan) ⁽¹⁾ γ-HCH (Lindane) content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	0,02
7.25	Hàm lượng dieldrin ⁽¹⁾ Hàm lượng Dieldrin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	0,1
7.26	Hàm lượng dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) ⁽¹⁾ Dichloro diphenyl trichloroethane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-	1
7.26.1	Hàm lượng 4,4'-DDD ⁽¹⁾ 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	-
7.26.2	Hàm lượng 4,4'-DDE ⁽¹⁾ 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	-
7.26.3	Hàm lượng 4,4'-DDT ⁽¹⁾ 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	-
7.27	Hàm lượng heptachlor và heptachlor epoxide ⁽¹⁾ Heptachlor and heptachlor epoxide content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

24/09/2026

Trang/ Page: 5/7

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.27.1	Hàm lượng heptaclo epoxit ⁽¹⁾ Heptaclo epoxit content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	-
7.27.2	Hàm lượng heptachlor ⁽¹⁾ Heptaclo content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005	-
7.28	Diazinon ⁽¹⁾ Diazinon	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,005	20
7.29	Parathion ethyl (parathion) ⁽¹⁾ Parathion ethyl (Parathion)	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,005	60
7.30	Phenol ⁽¹⁾ Phenol content	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3650B & US EPA 8270E	KPH	0,0001	0,001
7.31	Hàm lượng trichloroethylene ⁽¹⁾ Trichloroethylen content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005	0,03
7.32	Hàm lượng tetrachloroethylene (PCE) ⁽¹⁾ Tetrachloroethylene (PCE)	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,003	0,01
7.33	Hàm lượng 1,1,1-triclo etan ⁽¹⁾ 1,1,1-Trichlorethane content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005	0,15

2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/09/2026

Trang/ Page: 6/7

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.34	Hàm lượng benzen ⁽¹⁾ Benzene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,002	0,015
7.35	Hàm lượng toluen ⁽¹⁾ Toluene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005	1
7.36	Hàm lượng ethylbenzen ⁽¹⁾ Ethylbenzene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005	0,45
7.37	Hàm lượng xylen ⁽¹⁾ Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	-	-	0,75
7.37.1	Hàm lượng p-xylen ⁽¹⁾ p-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,01	-
7.37.2	Hàm lượng m-xylen ⁽¹⁾ m-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,01	-
7.37.3	Hàm lượng o-xylen ⁽¹⁾ o-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005	-
7.38	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾ Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,03	0,1
7.39	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾ Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,1	1
7.40	Coliforms ⁽¹⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(d)	-	3
7.41	Escherichia coli ⁽¹⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B&F:2023	< 1,8 ^(d)	-	-

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất / Results compared with quality levels: QCVN 09:2023/BTNMT - National technical regulation on Ground water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326C113036
(MTTN26015919.04)
(MT.2026.06539)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2026

Trang/ Page: 7/7

- ⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078 / *Parameters certified by VIMCERTS 078*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- ^(d): Kết quả được biểu thị “< 1,8 MPN/ 100 mL” khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp / *The result is expressed as “< 1,8 MPN/ 100 mL” when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- MPN: Số có xác suất lớn nhất / *Most probable number*

2

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.